

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 31, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: Ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh TN (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 31, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào ngày 21-5-1990, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 12-9-2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Sau khi cưới chị và anh C xây dựng nhà sinh sống tại ấp TV, xã TĐ, huyện GD, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014

thì phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, anh C không tin tưởng chị, thường xuyên đánh chị vô cớ, dùng dao, rựa hăm dọa chém chị. Ngoài ra, anh C còn cờ bạc, đến tháng 9 năm 2019 chị thuê nhà trọ sống riêng tại ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh TN, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Nữ trang vàng cưới: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K và 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18K, chị đã bán khi sinh con.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1991 và Nguyễn Kim T, sinh năm 1995 đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C không đến và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, chị T được ly hôn với anh C; về con chung: Đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thủy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Chặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Do đó, hôn nhân

giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc kinh tế trong gia đình khó khăn, không tin tưởng lẫn nhau, anh C còn đánh đập, nhiều lần dùng dao, rựa hăm dọa chém chị T vô cớ. Bên cạnh đó anh C cờ bạc. Kể từ ngày ly thân cho đến nay anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ và Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh C không đến, chứng tỏ anh C bỏ mặc tình cảm vợ chồng và không có thiện chí để đoàn tụ với chị T. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1991 và Nguyễn Kim T, sinh năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với anh Nguyễn Văn C. Chị T được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1991 và Nguyễn Kim T, sinh năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012452 ngày 30-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang, Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên

